

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 929/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 6 - 2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

2. Ông Dương Văn Quý.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Hoàng Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 359/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023, về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1979; hộ khẩu thường trú: 8/6C ấp Đ, xã T, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 41/8 đường T, tổ X, ấp Đ, xã T, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1964; địa chỉ: 8/6C ấp Đ, xã T, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 30/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị Thu H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Trọng H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 280 ngày 30/10/2007. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc do ông H thường ăn nhậu về chửi bới, đánh đập bà, không chăm lo cho gia đình, bỏ mặc bà tự gánh vác. Sau khi nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án, bà đã thuê nhà sống riêng cùng hai con. Tuy gần đây ông H có thay đổi, gia đình chồng tạo điều kiện nhưng bà không còn niềm tin, không còn tình cảm yêu thương với ông H do bị tổn thương trong thời gian quá dài. Vì vậy, bà cương quyết xin ly hôn với ông H. Bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị Phước H, sinh ngày 24/11/2009 và Nguyễn Quốc H, sinh ngày 01/7/2021, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Bà rút yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất số

479, tờ bản đồ số 77, diện tích 158.2m², diện tích xây dựng 53,7m² tại địa chỉ 8/6C ấp Đ, xã T, huyện Hóc Môn, theo Giấy chứng nhận số BE 616671, số vào sổ cấp GCN: CH 01533 ngày 21/10/2011. Vợ chồng bà không có nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 23/6/2023 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Trọng H trình bày:

Ông Nguyễn Trọng H đồng ý thống nhất với nội dung trình bày của vợ là Lê Thị Thu H về việc chung sống, kết hôn, con chung, nợ chung, tài sản chung. Vợ chồng ông bà chung sống với nhau hạnh phúc nhưng có mâu thuẫn về tiền bạc. Ông thừa nhận đã gây ra nhiều lỗi lầm trong quá trình chung sống nhưng đã biết lỗi, đã xin lỗi bà H, đã sửa chữa, khắc phục lỗi lầm để cùng bà H xây dựng hạnh phúc gia đình, chăm lo cho các con còn nhỏ. Gia đình ông cũng đã động viên, hỗ trợ rất nhiều để vợ chồng ông bà đoàn tụ, hiện nay còn đang sửa chữa lại căn nhà cho vợ chồng ông. Ông mong bà H tạo cơ hội để ông tiếp tục sửa đổi, ông đồng ý việc vợ chồng tiếp tục sống ly thân nhưng không đồng ý ly hôn. Trường hợp buộc phải ly hôn thì ông đồng ý để bà H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không cấp dưỡng nuôi con theo mong muốn của bà H.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Lê Thị Thu H cương quyết yêu cầu ly hôn với ông H; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; xác định vợ chồng không có nợ chung; không tranh chấp tài sản chung; giữ nguyên việc rút đơn tranh chấp tài sản chung.

Bị đơn ông Nguyễn Trọng H đồng ý vợ chồng tiếp tục sống ly thân nhưng không đồng ý ly hôn; trường hợp buộc phải ly hôn thì ông đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con gái lớn là Nguyễn Thị Phước H sinh ngày 24/11/2009, bà H trực tiếp nuôi con trai nhỏ là Nguyễn Quốc H sinh ngày 01/7/2021, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; xác định vợ chồng không có nợ chung; không tranh chấp tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn; Bị đơn đang cư trú tại huyện Hóc Môn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

[2] Về việc tham gia tố tụng của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Thu H có mời người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là ông Hồ Minh T - Luật sư của Văn phòng luật sư MT, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Tại phiên tòa, bà H thông báo ông Hồ Minh T không còn là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà, do hai bên đã tự nguyện thống nhất hủy bỏ và tự chịu trách nhiệm.

Vì vậy, Tòa án không đưa ông Hồ Minh T tiếp tục tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Quan hệ hôn nhân: Bà H và ông H tự nguyện chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 280 ngày 30/10/2007 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về yêu cầu ly hôn:

Bà H yêu cầu ly hôn do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra từ năm 2007 và ngày càng trầm trọng, bà bị đánh chửi, xúc phạm, tổn thương trong thời gian dài nên không còn niềm tin, không còn tình cảm yêu thương với ông H; ông H xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn về tiền bạc, ông cũng gây ra nhiều lỗi lầm nhưng đã sửa chữa khắc phục, đồng thời do 02 con còn quá nhỏ nên ông chỉ đồng ý vợ chồng tiếp tục sống ly thân, không đồng ý ly hôn.

Tòa án thụ lý vụ án từ ngày 12/4/2023 đến nay, đã nhiều lần tiến hành hòa giải, động viên, khuyến khích vợ chồng cho nhau cơ hội nhưng bà H không có thiện chí đoàn tụ, cương quyết yêu cầu được ly hôn, ông H cũng không có giải pháp hóa giải mâu thuẫn, đoàn tụ vợ chồng; tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông H đến nay vẫn không giảm bớt.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiếp tục phân tích, động viên để vợ chồng bà H, ông H đoàn tụ, cùng nhau chăm lo cho con cái, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng bà H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn và liên tục khẳng định quyết tâm ly hôn của mình với thái độ gay gắt, quyết liệt.

Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông H là có thật, đã kéo dài nhưng hai bên không có giải pháp hóa giải mâu thuẫn, đoàn tụ vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ chấp nhận, theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về con chung, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 259 ngày 15/12/2009 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, bản sao Giấy khai sinh số 555/2021 ngày 04/10/2021 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh và trình bày của đương sự, xác định bà H và ông H có 02 con chung là Nguyễn Thị Phước H, sinh ngày 24/11/2009 và Nguyễn Quốc H, sinh ngày 01/7/2021.

Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung là phù hợp với thực tế 02 con chung ở với bà H và do bà H chăm lo trong thời gian vợ chồng sống ly thân, phù hợp với nguyện vọng của con chung là trẻ H tại bản tự khai ngày 23/6/2023 muốn ở với bà H, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình

nên được chấp nhận. Việc ông H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H là không có cơ sở chấp nhận.

Ghi nhận việc bà H không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi 02 con chung, ghi nhận việc ông H trình bày sẽ trực tiếp chăm lo cho 02 con chung theo khả năng, điều kiện thực tế của mình.

[6] Về tài sản chung: Bà H và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung trong vụ án này. Nguyên đơn bà Lê Thị Thu H có Đơn đề nghị “V/v rút một phần yêu cầu khởi kiện” ghi ngày 19/10/2023. Việc rút yêu cầu khởi kiện này của bà H là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện này, và trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà H, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 3 Điều 218; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thu H:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Trọng H.

2. Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Thị Phước H, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2009 và Nguyễn Quốc H, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2021.

Giao cho bà Lê Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị Phước H, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2009 và Nguyễn Quốc H, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2021; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Trọng H cho đến khi có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, một hoặc cả hai

bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có.

4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thu H về việc yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

5. Án phí sơ thẩm:

Bà Lê Thị Thu H phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0016144 ngày 12/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà Lê Thị Thu H đã nộp đủ tiền án phí.

Trả lại cho bà Lê Thị Thu H tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm (về tranh chấp tài sản chung) đã nộp 36.000.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0016143 ngày 12/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn là bà Lê Thị Thu H, bị đơn là ông Nguyễn Trọng H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã T, huyện Hóc Môn, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Huy